

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08- 3 -2021

"V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình".

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Thúy Minh.

Ông Trần Đình Đường.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Văn Đồng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Cao Thị Tr, sinh năm 1982.

Trú tại: Thôn Thị Tứ, xã Thanh Th, huyện Thanh Ch, tỉnh Nghệ An. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Bành Trọng T, sinh năm 1985.

Địa chỉ HKTT trước khi xuất cảnh: Xóm 1 mới (xóm 2 cũ), xã Xuân L, huyện Nam Đ, tỉnh Nghệ An. Hiện cư trú tại: Malaysia. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Căn cứ đơn xin ly hôn, bản tự khai, lời trình bày của nguyên đơn chị Cao Thị Tr: Chị Cao Thị Tr và anh Bành Trọng T kết hôn với nhau vào ngày 04/01/2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Th, huyện Thanh Ch, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không phù hợp cho nên thường xảy ra mâu

thuần. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là từ tháng 4/2013 vợ chồng sống ly thân. Chị Tr đưa con về bên ngoại sống tại thôn Thủy Ph, xã Thanh Th, huyện Thanh Ch, tỉnh Nghệ An, kể từ đó hai vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ. Đến khoảng tháng 7/2014 anh Bành Trọng T đi xuất khẩu lao động tại Malaysia. Nơi cư trú cuối cùng của anh T là xóm 1 mới (xóm 2 cũ), xã Xuân Lâm, huyện Nam Đ, tỉnh Nghệ An. Hiện nay chị Tr không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở Malaysia. Từ khi anh T đi nước ngoài chị Tr có liên lạc được một lần nhưng sau đó thì không liên lạc được với anh T. Nay chị Cao Thị Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị Tr đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị Tr được ly hôn với anh Bành Trọng T.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung, tên là Bành Trọng H, sinh ngày 18/02/2013. Hiện tại cháu H đang sống với chị Cao Thị Tr, do chị Tr chăm sóc nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, nguyện vọng của chị Tr được tiếp tục chăm sóc con chung đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Bành Trọng T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Cao Thị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Bành Trọng T: Quá trình giải quyết vụ án, chị Cao Thị Tr không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T ở Malaysia. Theo chị Tr thì anh T vẫn thường xuyên liên lạc với mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Đ, địa chỉ cư trú xóm 1 mới (xóm 2 cũ), xã Xuân L, huyện Nam Đ, tỉnh Nghệ An và bà Đ không biết được địa chỉ của anh T. Đề nghị Tòa án tiến hành xác minh thu thập chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã gửi các văn bản như: Đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện và bản tự khai của chị Cao Thị Tr; thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa cho anh Bành Trọng T thông qua bà Nguyễn Thị Đ (mẹ đẻ của anh T) và Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của anh T trước khi đi nước ngoài. Tuy nhiên anh Bành Trọng T vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn chị Cao Thị Tr, xử cho chị Cao Thị Tr được ly hôn anh Bành Trọng T. Về con chung: Bành Trọng H, sinh ngày 18/02/2013 cho chị Tr trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục đến tuổi trưởng thành, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh T do chị Tr chưa yêu cầu. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản

trở. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, trên cơ sở xem xét đầy đủ các chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án Hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Cao Thị Tr có địa chỉ cư trú tại thôn Thị T, xã Thanh Th, huyện Thanh Ch, tỉnh Nghệ An. Bị đơn anh Bành Trọng T có địa chỉ cư trú xóm 1, xã Xuân Lâm, huyện Nam Đ, tỉnh Nghệ An; anh T hiện đang ở Malaysia nhưng không có địa chỉ cụ thể. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về thủ tục tố tụng: anh Bành Trọng T hiện đang ở Malaysia, chị Cao Thị Tr chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của anh Bành Trọng T mà không cung cấp được địa chỉ của bị đơn ở nước ngoài. Qua xác minh tại mẹ đẻ của anh T là bà Nguyễn Thị Đ thì bà Đ cho biết vẫn có liên hệ với anh T qua mạng xã hội Facebook và zalo. Bà Đ đã thông báo cho anh T biết việc chị Tr nộp đơn khởi kiện ra Tòa án yêu cầu ly hôn với anh T và anh T trao đổi lại với bà Đ đồng ý ly hôn theo nguyện vọng của chị Tr và đồng ý cho chị Tr tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Bành Trọng H Tòa án đã yêu cầu bà Đ cung cấp địa chỉ cụ thể của anh T ở Malaysia đến lần thứ hai nhưng bà Đ không chịu cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn cho Tòa án cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho bị đơn biết. Tòa án đã gửi các văn bản cho bà Đ về việc Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án để bà Đ thông báo cho anh T. Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng bao gồm: Thông báo thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, Giấy triệu tập phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa tại nơi cư trú của anh T trước khi đi nước ngoài. Tính đến ngày mở phiên tòa xét xử lần thứ 2, Tòa án không nhận được bất cứ văn bản nào của anh T trình bày về yêu cầu khởi kiện của chị Tr nên được coi như trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu

cần thiết và vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Cao Thị Tr vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Bành Trọng T vắng mặt, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 và niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, Giấy triệu tập, Quyết định hoãn phiên tòa tại nơi cư trú của anh T trước khi đi nước ngoài. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa vắng mặt các đương sự.

[3] Xét nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị Tr và anh Bành Trọng T kết hôn với nhau vào ngày 04/01/2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Th, huyện Thanh Ch, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không phù hợp cho nên thường xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là từ tháng 4/2013 vợ chồng sống ly thân. Chị Tr đưa con về bên ngoại sống tại thôn Thủy Ph, xã Thanh Th, huyện Thanh Ch, tỉnh Nghệ An, kể từ đó hai vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ. Đến khoảng tháng 7/2014 thì anh Bành Trọng T đi xuất khẩu lao động tại Malaysia. Nơi cư trú cuối cùng của anh T là xóm 1 mới (xóm 2 cũ), xã Xuân Lâm, huyện Nam Đ, tỉnh Nghệ An. Hiện nay chị Tr không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở Malaysia. Từ khi anh T đi nước ngoài chị Tr có liên lạc được một lần nhưng sau đó thì không liên lạc được với anh T nữa. Nay chị Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bành Trọng T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Tr và anh T đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình giải quyết cho chị Cao Thị Tr được ly hôn anh Bành Trọng T.

[3.2] Về con chung: Chị Cao Thị Tr và anh Bành Trọng T có 01 con chung, tên là Bành Trọng H, sinh ngày 18/02/2013. Hiện tại cháu H đang sống với chị Tr, do chị Tr chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn, nguyện vọng của chị Tr được tiếp tục chăm sóc con chung đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Bành Trọng T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, hiện nay anh T không có mặt tại địa phương, nên cần giao con chung Bành Trọng H cho chị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành là phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, hiện nay chị Tr chưa yêu

cầu anh T phải cấp dưỡng nên cần chấp nhận và dành quyền khởi kiện cho chị Tr khi có yêu cầu.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Cao Thị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Cao Thị Tr phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 147 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Cao Thị Tr.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị Tr được ly hôn anh Bành Trọng T.

- Về con chung: Giao con chung Bành Trọng H, sinh ngày 18/02/2013 cho chị Cao Thị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Bành Trọng T cho đến khi có yêu cầu.

Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con chung.

Người trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Cao Thị Tr phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục thi hành án tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0000155 ngày 22/10/2020.

- Quyền kháng cáo: Chị Cao Thị Tr vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của Pháp luật.

Anh Bành Trọng T có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Thanh Th, h. Thanh Ch;
- UBND xã Xuân L, h. Nam Đ;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Huyền**

